

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HOÁ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4082 /UBND-TCKH

TP.Thanh Hoá, ngày 28 tháng 6 năm 2024

V/v quy định giá dịch vụ sử
dụng bến thủy nội địa.

Kính gửi: Ban quản lý di tích lịch sử văn hóa Hàm Rồng

UBND thành phố Thanh Hóa nhận được Công văn số 63/TTr-BQLHR ngày 14/3/2024 của Ban quản lý di tích lịch sử văn hóa Hàm Rồng về việc ban hành giá dịch vụ sử dụng bến thủy nội địa: Trung tâm đón tiếp khách, cầu tàu du lịch tại bến thuyền Hàm Rồng và cầu tàu du lịch nạo vét luồng lạch bến thuyền tại Thiên Viện Trúc Lâm, phường Hàm Rồng, thành phố Thanh Hóa.

Chủ tịch UBND thành phố có ý kiến như sau:

Ngày 22/3/2024, Chủ tịch UBND thành phố Thanh Hóa đã ban hành Quyết định số 2379/QĐ-UBND về việc công bố hoạt động bến thủy nội địa. Trong đó, giao Ban quản lý di tích lịch sử văn hóa Hàm Rồng là chủ bến hành khách công viên Hàm Rồng.

Chủ tịch UBND thành phố Thanh Hóa yêu cầu Ban quản lý di tích lịch sử văn hóa Hàm Rồng tổ chức thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường thủy nội địa và thu giá dịch vụ theo đúng quy định tại Quyết định số 3354/2017/QĐ-UBND ngày 07/9/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành quy định giá dịch vụ sử dụng bến thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Trong quá trình tổ chức thực hiện có vướng mắc yêu cầu báo cáo UBND thành phố Thanh Hóa để được hướng dẫn thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT thành phố;
- Lưu: VT, TCKH(LTD).



CHỦ TỊCH

Trần Anh Chung



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3354/2017/QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 07 tháng 9 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành quy định giá dịch vụ sử dụng
bến thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật giá ngày 20/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá, Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ, Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17/02/2014 của Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại văn bản số 2176/SGTVT-KHTC ngày 05/7/2017, Giám đốc Sở Tài chính tại văn bản số 2727/STC-QLCSGC ngày 05/7/2017 về dự thảo Quyết định về việc ban hành quy định giá dịch vụ sử dụng bến thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành quy định giá dịch vụ sử dụng bến thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa như sau:

1. Đối tượng thu, nộp, miễn giảm

a) Đối tượng thu: Là các cảng vụ đường thủy nội địa (bao gồm cả trường hợp cơ quan có thẩm quyền giao hoặc ủy quyền); các cảng vụ hàng hải (bao gồm cả trường hợp cơ quan có thẩm quyền giao hoặc ủy quyền) và cơ quan được ủy quyền khác (nếu có) thực hiện nhiệm vụ quản lý cảng, bến thủy nội địa theo quy định của pháp luật.

b) Đối tượng nộp: Các phương tiện thủy nội địa, tàu biển (sau đây gọi là phương tiện) ra, vào hoạt động tại các cảng, bến thủy nội địa (kể cả cảng, bến chuyên dùng) đã được cơ quan nhà nước công bố cấp phép hoạt động.

c) Đối tượng được miễn:

- Phương tiện thuộc Bộ Quốc phòng và Bộ Công an sử dụng vào Mục đích quốc phòng, an ninh (trừ các phương tiện sử dụng vào hoạt động kinh tế); phương tiện của cơ quan Hải quan đang làm nhiệm vụ (trừ các phương tiện sử dụng vào hoạt động kinh tế); phương tiện của các cơ quan thanh tra giao thông, Cảng vụ đường thủy nội địa;

- Phương tiện tránh bão, cấp cứu;

- Phương tiện vận chuyển phòng chống lụt bão.

2. Mức thu

STT	Nội dung	Mức giá tối đa
1	Dịch vụ trọng tải	
a	Lướt vào (kể cả có tải, không tải)	165 đồng/tấn trọng tải toàn phần
b	Lướt ra (kể cả có tải, không tải)	165 đồng/tấn trọng tải toàn phần
2	Dịch vụ ra, vào cảng, bến thủy nội địa	
a	Phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần từ 10 tấn đến 50 tấn	5.000 đồng /chuyến
b	Phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 50 tấn đến 200 tấn hoặc chở khách có sức chở từ 13 ghế đến 50 ghế	10.000 đồng/chuyến
c	Phương tiện chở hàng, đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 200 tấn đến 500 tấn hoặc chở khách có sức chở từ 51 ghế đến 100 ghế	20.000 đồng/chuyến
d	Phương tiện chở hàng, đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 500 tấn đến 1.000 tấn hoặc chở khách từ 101 ghế trở lên.	30.000 đồng/chuyến
đ	Phương tiện chở hàng, đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 1.000 tấn đến 1.500 tấn.	40.000 đồng/chuyến
e	Phương tiện chở hàng, đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 1.500 tấn.	50.000 đồng/chuyến

(Mức giá trên đã bao gồm thuế GTGT).

Lê Thị Thìn